

Bản án số: **93/2026/DSST**
Ngày: 10/8/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàng và ông Nguyễn Ngọc Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST-DS ngày 06/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2026/QĐST-DS ngày 21/7/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S (nay là Ngân hàng TMCP S1). Địa chỉ: 2 N, phường X, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Công M - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị Quỳnh D – sinh năm 1989; Chức vụ: chuyên viên thu hồi nợ hiện trường Ngân hàng TMCP S (văn bản ủy quyền số 2861.2026.UQ-SACOMBANK.SBA ngày 10/8/2026) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh S, sinh năm 1999. Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Võ Thị Quỳnh D trình bày:

Ngày 17/01/2025 ông Huỳnh S có ký với Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) – Chi nhánh P – Phòng giao dịch G (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng – số hợp đồng 3641341 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Căn cứ

thu nhập của ông S thì Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Huỳnh S với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*); với mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Lãi suất cho vay: 33,2%/ năm (2,77%/tháng). Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp tín dụng ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.800.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.660.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 5 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 22/11/2025 đến nay ông S không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản tiền nào.

Nhận thấy ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (khoản 5.7 Điều 5 điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Ngày 22/01/2026, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông S còn nợ tại thời điểm này là 36.500.202 đồng sang nợ gốc quá hạn (Điều 6 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ quá hạn; đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông S trả nợ, tuy nhiên ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 10/8/2026, ông S còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc 36.500.202 đồng; lãi quá hạn 10.096.000 đồng, tổng cộng: 46.596.202 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2026 là 46.596.202 đồng. Ngoài ra ông S còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

- Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh S nhưng ông S không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự (BLDS); khoản 4 Điều 4, Điều 100, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng

năm 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh S phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2026 là 46.596.202 đồng (trong đó dư nợ gốc 36.500.202đ; nợ lãi 10.096.000đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng. Về án phí: ông Huỳnh S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ô, tỉnh Đắk Lắk nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông S đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Tuy nhiên, ông S không đến Tòa. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông S biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định nhưng ông S không có ý kiến phản bác lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa căn cứ lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng – số hợp đồng 3641341 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), thẻ hiện chữ ký của ông Huỳnh S phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Đủ cơ sở xác định: Vào ngày 17/01/2025, ông Huỳnh S có ký với Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông S với hạn mức sử dụng

là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay: 33,2%/ năm. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 51.800.000 đồng. Ông S đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 25.660.000 đồng. Từ ngày 22/11/2025 đến nay ông S không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, ngày 22/01/2026 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông S và chuyển toàn bộ dư nợ 36.500.202 đồng sang nợ gốc quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn. Tính đến ngày 10/8/2026, ông S còn nợ sử dụng thẻ tín dụng với dư nợ gốc 36.500.202 đồng; nợ lãi quá hạn 10.096.000 đồng, tổng cộng: 46.596.202 đồng.

Trong hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi, thỏa thuận về lãi suất theo biểu lãi suất của Ngân hàng, bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các Điều 463, 466 của BLDS nên cần chấp nhận, buộc bị đơn ông Huỳnh S phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/8/2026 là 46.596.202 đồng (trong đó dư nợ gốc 36.500.202 đồng; nợ lãi quá hạn 10.096.000 đồng). Ông Huỳnh S phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 11/8/2026.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $46.596.202đ \times 5\% = 2.329.810$ đồng; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 4, Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn ông Huỳnh S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) số tiền 46.596.202đ (*Bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ hai đồng*) (trong đó dư nợ gốc là 36.500.202 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 10/8/2026 là 10.096.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

- Ông Huỳnh S phải chịu 2.329.810đ (*Hai triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm mười đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) số tiền 460.039đ (*Bốn trăm sáu mươi nghìn, không trăm ba mươi chín đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002430 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk (2);
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền